

達拉斯淨宗學會 - 2010

Tịnh Tông Học Hội Dallas - 2010

八關齋戒

儀規

Bát Quan

Trai Giới

Nghi Quy

Mục Lục

目錄

1. Giới Định chân hương..... trang 05
(戒定真香)
2. Sám hối kệ..... trang 06
(懺悔偈)
3. Phật Thuyết Trai Kinh..... trang 09
(佛說齋經)
4. Bát Quan Trai Giới Nghi Quy..... trang 41
(八關齋戒儀規)
5. Dịch nghĩa Trai Kinh và nghi thức..... trang 49
(齋經及儀規越語版)

戒定真香

JIÈ DÌNG ZHÈN XIĀNG
Giới định chân hương

戒定真香

JIÈ DÌNG ZHÈN XIĀNG
Giới định chân hương

焚起沖天上

FÉN Qǐ CHŌNG TIĀN SHàng
Phân khởi xung thiên thượng

弟子虔誠

DÌ Zǐ QIÁN CHÉNG
Đệ tử kiên thành

爇在金爐放

RÈ Zài JīN LÚ Fàng
Nhiệt tại kim lư phóng

頃刻紛紜

QǐNG KÈ FÈN YÚN
Khoảnh khắc phân vân

即遍滿十方

JÍ BIÀN MǎN SHÍ FĀNG
Tức biến mãn thập phương

昔日耶輸免難消災障

XÍ Rì YĒ SHŪ MIǎN NÁN XIĀO ZĀI ZHàng
Tích nhật Da Thâu miễn nạn tiêu tai chướng

南無香雲蓋菩薩摩訶薩

NÁN MO XIĀNG YÚN GÀi PÚ SÀ MÓ HĒ SÀ
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát
(3 lần)

懺悔偈

CHÀN HUǐ JĪÉ
Sám hối kệ

往 昔 所 造 諸 惡 業

WǎNG XĪ SUǒ ZÀO ZHŪ È YÈ
Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

皆 由 無 始 貪 瞋 痴

JĪE YÓU WÚ SHĪ TĀN CHĒN CHĪ
Giai do vô thủy tham sân si

從 身 語 意 之 所 生

CÓNG SHĒN YŪ YÌ ZHĪ SUǒ SHĒNG
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

今 對 佛 前 求 懺 悔

JĪN DUÌ FÓ QIÁN QIÚ CHÀN HUĪ
Kim đối Phật tiền cầu sám hối

往 昔 所 造 諸 惡 業

WǎNG XĪ SUǒ ZÀO ZHŪ È YÈ
Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

皆 由 無 始 貪 瞋 痴

JĪE YÓU WÚ SHĪ TĀN CHĒN CHĪ
Giai do vô thủy tham sân si

從 身 語 意 之 所 生

CÓNG SHĒN YŪ YÌ ZHĪ SUǒ SHĒNG
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

一 切 罪 障 皆 懺 悔

YĪ QĪE ZUÌ ZHÀNG JĪE CHÀN HUĪ
Nhất thiết tội chương giai sám hối

往 昔 所 造 諸 惡 業

WǎNG XĪ SUǒ ZÀO ZHŪ È YÈ
Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp

皆 由 無 始 貪 瞋 痴

JĪE YÓU WÚ SHĪ TĀN CHĒN CHĪ
Giai do vô thủy tham sân si

從 身 語 意 之 所 生

CÓNG SHĒN Yǔ Yì zhī suǒ shēng
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

一 切 罪 根 皆 懺 悔

Yī qiē zuì zhàng jiē chàn huǐ
Nhất thiết tội chương giai sám hối

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛

NÁN MO BĒN SHĪ SHÌ Jiā móu ní fó
Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)

佛 說 齋 經

FÓ SHUŌ Zhāi jīng
Phật thuyết Trai Kinh

吳 月 氏 國 居 士 支 謙 譯

Ngô Nhục Chi quốc cư sĩ Chi Khiêm dịch

聞 如 是 一 時 佛 在 舍 衛

WÉN Rú shì yī shí fó zài shě wèi
Văn như thị: Nhất thời Phật tại Xá Vệ

城 東 丞 相 家 殿。

CHÉNG Dōng chéng xiāng jiā diàn.
thành Đông thừa tướng gia điện.

丞 相 母 名 維 耶, 早 起

CHÉNG Xiāng mǔ míng wéi yē, zǎo qǐ
Thừa tướng mẫu danh Duy Da, táo khởi

沐 浴 著 綵 衣, 與 諸 子 婦 俱 出

Mù yù, zhù cǎi yī, yǔ zhū zǐ fù jū chū
mộc dục, trước thái y, dữ chư tử phụ câu xuất,

稽 首 佛 足 一 面 坐, 佛 問

Qǐ shǒu fó zú yī miàn zuò, fó wèn
khể thủ Phật túc nhất diện tọa, Phật vấn

維耶「沐浴何早？」對曰

WÉI YĒ: “MÙ YÙ HÉ ZǎO?” DUÌ YUĒ:
Duy Da: “Mộc dục hà tảo?” Đôi viết:

欲與諸婦俱受齋戒。佛言

YÙ Yǔ zhū fù jū shòu zhāi jiè. FÓ YÁN
Dục dĩ chư phụ câu thụ trai giới. Phật ngôn:

齋有三輩，樂何等齋？

ZHĀI Yǒu sān bèi, yào hé děng zhāi?
Trai hữu tam bối, nhạo hà đẳng trai?

維耶長跪言：願聞何

WÉI YĒ CHÁNG GUÌ YÁN: YUÀN WÉN HÉ
Duy Da trường quy ngôn: Nguyên văn hà

謂三齋。佛言：一為牧牛

WÈI SĀN ZHĀI. FÓ YÁN, YĪ WÉI MÙ NIÚ
vị tam trai? Phật ngôn: Nhất vi mục ngưu

齋，二為尼犍齋，三為佛

ZHĀI, ÈR WÉI NÍ JIĀN ZHĀI, SĀN WÉI FÓ
trai, nhị vi Ni Kiền trai; tam vi Phật

法齋。牧牛齋者如牧牛

Fǎ zhāi. Mù niú zhāi zhě, rú mù niú
pháp trai. Mục ngưu trai giả, như mục ngưu

人求善水草飲飼其牛，

RÉN QIÚ SHÀN SHUǐ CǎO YǐN SÌ QÍ NIÚ,
nhân cầu thiện thủy thảo ẩm tỵ kỳ ngưu

暮歸思念，何野有豐饒

MÙ GUĪ SĪ NIÀN, HÉ YĒ YǒU FĒNG RÁO
mộ quy tư niệm, hà dã hữu phong nhiêu,

須天明當復往。若族

XŪ TIĀN MÍNG DĀNG FÙ WǎNG. RUÒ ZÚ
tu thiên minh đương phục vãng. Nhược tộc

姓 男女已受 齋戒, 意在家

XÌNG NÁN NŨ Yǐ SHÒU ZHĀI JIÈ Yì Zài Jiā
tánh nam nữ dĩ thụ trai giới, ý tại gia cư

居利欲產 業及念美 飲食育

Jū lì yù chǎn yè jí niàn měi yǐn shí yù
lợi dục sản nghiệp cập niệm mỹ ẩm thực dục

養 身 者, 是 為 如 彼 牧 牛

Yǎng shēn zhě, shì wéi rú bǐ mù niú
dưỡng thân giả, thị vi như bǐ mục ngưu

人意, 不得大福, 非大明.

Rén yì, bù dé dà fú, fēi dà míng.
nhân ý, bất đắc đại phước, phi đại minh.

尼 犍 齋 者, 當 月 十 五

Ní jiān zhāi zhě, dāng yuè shí wǔ
Ni Kiên Trai giả, đương nguyệt thập ngũ

日齋之時, 伏地受齋戒, 為

Rì zhāi zhī shí fú dì shòu zhāi jiè wéi
nhật trai chi thời, phục địa thụ trai giới, vi

十由 延 內諸 神 拜言: 我

shí yóu yán nèi zhū shén bài yán: wǒ
thập do diên nội chư thần bái ngôn: Ngã

今日齋不敢為惡, 不名有

Jīn rì zhāi bù gǎn wéi è, bù míng yǒu
kim nhật trai bất cảm vi ác, bất danh hữu

家, 彼我無親, 妻子奴婢非是

Jiā, bǐ wǒ wú qīn, qī zǐ nú bì fēi shì
gia, bǐ ngã vô thân, thê tử nô tỳ phi thị

我有, 我非其主, 然其學貴

wǒ yǒu, wǒ fēi qí zhǔ, rán qí xué guì
ngã hữu ngã phi kỳ chủ nhiên kỳ học quý

文 賤 質, 無 有 正 心, 至

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 15

WÉN QIÀN ZHÍ, WÚ YǒU ZHÈNG XĪN, ZHÌ
văn tiện chất, vô hữu chánh tâm, chí

到 明 日 相 名 有 如 故

DÀO MÍNG RÌ XIĀNG MÍNG YǒU RÚ GÙ
đạo minh nhật tương danh hữu như cố

事。齋如彼者,不得大福,非大

SHÌ. ZHĀI RÚ Bǐ ZHĚ, BÙ DĒ DÀ FÚ, FĒI DÀ
sự. Trai như bỉ giả, bất đắc đại phước, phi đại

明。佛法齋者 道弟子月六

MÍNG. FÓ Fǎ ZHĀI ZHĚ DÀO DÌ Zǐ YUÈ LIÙ
minh. Phật pháp trai giả, đạo đệ tử nguyệt lục

齋 之日受 八戒, 何謂八 ?

ZHĀI ZHĪ RÌ SHÒU BĀ JIÈ. HÉ WÈI BĀ?
trai chi nhật thụ bát giới. Hà vi bát?

第一戒者,盡一日一夜持, 心

DÌ YĪ JIÈ ZHĚ, Jìn YĪ RÌ YĪ YÈ CHÍ, XĪN

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 16

Đệ nhất giới giả, tận nhất nhất nhất dạ trì, tâm

如 真 人, 無 有 殺 意, 慈 念

RÚ ZHĒN RÉN, WÚ YǒU SHĀ YÌ, CÍ NIÀN
như chân nhân, vô hữu sát ý, từ niệm

眾 生, 不 得 賊 害, 蠕 動

ZHÒNG SHĒNG BÙ DĒ ZÉI HÀI RUǎNDÒNG
chúng sanh, bất đắc tặc hại, nhuyễn động

之 類, 不 加 刀 杖, 念 欲 利

ZHĪ LÈI, BÙ JIĀ DĀO ZHàng NIÀN YÙ LÌ
chi loại, bất gia đao trượng, niệm dục lợi

安, 莫 復 為 殺, 如 清 淨 戒 以

ĀN, MÒ FÙ WÉI SHĀ, RÚ QĪNG JìNG JIÈ Yǐ
an, mạc phục vi sát, như thanh tịnh giới, dĩ

一 心 習

YĪ XĪN XÍ.
nhất tâm tập.

第二戒者, 盡一日一夜 持

DÌ ÈR JIÈ ZHĚ, Jìn Yī Rì Yī Yè CHÍ
Đệ nhị giới giả, tận nhất nhật nhất dạ trì,

心如真人, 無貪取意, 思念

XĪN RÚ ZHĒ RÉN, WÚ TĀN Qǔ Yì, SĪ NIÀN
tâm như chân nhân, vô tham thủ ý, tư niệm

布施, 當歡喜與, 自手與, 潔

BÙ SHĪ, DĀNG HUĀN Xǐ Yǔ Zì SHǒu Yǔ Jié
bố thí, đương hoan hỷ dữ, tự thủ dữ, khiết

淨與, 恭敬與, 不望與, 卻

JìNG Yǔ GōNG JìNG Yǔ Bù Wàng Yǔ QUÈ
tịnh dữ, cung kính dữ, bất vọng dữ, khước

慳貪意, 如清淨戒, 以一

QIĀN TĀN Yì, RÚ QĪNG JìNG Jiè, Yǐ Yī
khan tham dữ, như thanh tịnh giới, dĩ nhất

心習.

XĪN XÍ.
tâm tập.

第三戒者, 一日一夜持, 心如

DÌ SĀN JIÈ ZHĚ, Yī Rì Yī Yè CHÍ, XĪN RÚ
Đệ tam giới giả, nhất nhật nhất dạ trì tâm như

真人, 無婬意, 不念房室

ZHĒN RÉN, WÚ YÍN Yì, Bù NIÀN FÁNG SHì,
chân nhân vô dâm ý, bất niệm phòng thất,

修治梵行, 不為邪欲, 心不

XIŪ ZHì FÀN HĒNG, Bù WÉI XĪÉ Yù XĪN Bù
tu trị phạm hạnh, bất vi tà dục, tâm bất

貪色, 如清淨戒, 以一心習.

TĀN SÈ, RÚ QĪNG JìNG Jiè, Yǐ Yī XĪN XÍ.
tham sắc, như thanh tịnh giới, dĩ nhất tâm tập.

第四戒者,一日一夜持,心如

DÌ SÌ JIÈ ZHĚ, YÌ RÌ YÌ YÈ CHÍ, XĪN RÚ
Đệ tứ giới giả, nhất nhật nhất dạ trì, tâm như

真人,無妄語意,思念至

ZHĒN RÉN, WÚ WÀNG Yǔ YÌ, SĪ NIÀN ZHÌ
chân nhân, vô vọng ngữ ý, tư niệm chí

誠,安定徐言,不為偽詐,

CHÉNG ĀN DÌNG XÚ YÁN BÙ WÉI WÈI ZHÀ
thành, an định từ ngôn, bất vi ngụy trá,

心口相應,如清淨戒,

XĪN KǒU XIĀNG YÌNG RÚ QĪNG JÌNG JIÈ
tâm khẩu tương ứng, như thanh tịnh giới,

以一心習.

Yǐ YĪ XĪN XÍ.
dĩ nhất tâm tập.

第五戒者 一日一夜持,心

DÌ WŪ JIÈ ZHĚ, YÌ RÌ YÌ YÈ CHÍ, XĪN
Đệ ngũ giới giả, nhất nhật nhất dạ trì tâm

如真人,不飲酒,不醉,不迷

RÚ ZHĒN RÉN, BÙ YǐN JIŪ, BÙ ZUÌ BÙ MÍ
như chân nhân, bất ẩm tửu, bất túy, bất mê

亂,不失志,去放逸意,如清

LUÀN, BÙ SHĪ ZHÌ QŪ FÀNG YÌ YÌ RÚ QĪNG
loạn, bất thất chí, khứ phóng dật ý, như thanh

淨戒,以一心習.

JÌNG JIÈ, Yǐ YĪ XĪN XÍ.
tịnh giới, dĩ nhất tâm tập.

第六戒者,一日一夜持,心如

DÌ LIÙ JIÈ ZHĚ, YÌ RÌ YÌ YÈ CHÍ, XĪN RÚ
Đệ lục giới giả, nhất nhật nhất dạ trì, tâm như

真 人, 無求安意, 不著華

ZHĒN RÉN , WÚ QIÚ ĀN YÌ BÙ ZHÙ HUÁ
chân nhân, vô cầu an ý, bất trước hoa

香, 不傅脂粉, 不為歌舞

XIĀNG, BÙ FÙ ZHÍ FĚN, BÙ WÉI GĒ WŪ
huương, bất phó chi phấn, bất vi ca vũ

倡 樂, 如清淨戒, 以一心

CHĀNG YUÈ, RÚ QĪNG JÌNG JIÈ, Yǐ YĪ XĪN
xướng nhạc, như thanh tịnh giới, dĩ nhất tâm

習

xí.
tập.

第七戒者, 一日一夜持, 心如

DÌ QĪ JIÈ ZHĚ, YĪ RÌ YĪ YÈ CHÍ, XĪN RÚ
Đệ thất giới giả, nhất nhật nhất dạ trì tâm như

真 人, 無求安意, 不臥好

ZHĒN RÉN, WÚ QIÚ ĀN YÌ, BÙ WÒ HǎO
chân nhân, vô cầu an ý, bất ngọa hảo

床, 卑床草席, 捐除

CHUÁNG, BĪ CHUÁNG CǎO XÍ, JUĀN CHÚ
sàng, ty sàng thảo tịch, quyên trừ

睡臥, 思念經道, 如清

SHUÌ WÒ, SĪ NIÀN JĪNG DÀO, RÚ QĪNG
thùy ngọa, tư niệm kinh đạo, như thanh

淨戒, 以一心習.

JÌNG JIÈ, Yǐ YĪ XĪN XÍ.
tịnh giới, dĩ nhất tâm tập.

第八戒者, 一日一夜持, 心

DÌ BĀ JIÈ ZHĚ, YĪ RÌ YĪ YÈ CHÍ, XĪN
Đệ bát giới giả, nhất nhật nhất dạ trì, tâm

如真人, 奉法時食, 食

RÚ ZHĒN RÉN, FÈNG Fǎ SHÍ SHÍ, SHÍ
như chân nhân, phụng pháp thời thực, thực

少節身, 過日中後不

SHǎO JIÉ SHĒN, GUÒ RÌ ZHŌNG HÒU BÙ
thiểu tiết thân, quá nhật trung hậu bất

復食, 如清淨戒, 以一心習.

FÙ SHÍ, RÚ QĪNG JìNG JIÈ, Yǐ YĪ XĪN XÍ.
phục thực, như thanh tịnh giới dĩ nhất tâm tập.

佛告維耶: 受齋之日, 當

FÓ GÀO WÉI YĒ: SHÒU ZHĀI ZHĪ RÌ DĀNG
Phật cáo Duy Da: - Thụ trai chi nhật, đương

習五念。何謂五? 一當念

XÍ WŨ NIÀN. HÉ WÈI WŨ? YĪ DĀNG NIÀN
tập ngũ niệm. Hà vị ngũ? Nhất đương niệm

佛, 佛為如來, 為至真, 為

FÓ, FÓ WÉI RÚ LÁI, WÉI ZHì ZHĒN, WÉI
Phật, Phật vi Như Lai, vi chí chân, vi

等正覺, 為明行足,

DĒNG ZHÈNG JUÉ, WÉI MÍNG XÍNG ZÚ,
Đẳng Chánh Giác, vi Minh Hạnh Túc,

為善逝, 世間父, 無上

WÉI SHÀN SHì, SHì JĪAN FÙ, WÚ SHàng
vi Thiện Thệ, Thế Gian Phụ, Vô Thượng

士, 經法御, 天人師, 號

SHì, JĪNG Fǎ YÙ, TIĀN RÉN SHĪ, HÀO
Sĩ, Kinh Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu

曰佛。是念佛者愚痴惡意

YUÈ FÓ. SHì NIÀN FÓ ZHĒ YÚ CHĪ È Yì
viết Phật. Thệ niệm Phật giả ngu si ác ý

怒習悉除, 善 心自生, 思樂
NÙ XÍ XĪ CHÚ, SHÀN XĪN ZÌ SHĒNG, SĪ YÀO
nộ tập tất trừ, thiện tâm tự sanh, tư nhạo

佛業. 譬如以麻油, 澡豆
FÓ YÈ. PÌ RÚ Yǐ MÁ YÓU, ZǎO DÒU
Phật nghiệp. Thí như dĩ ma du, thảo đậu,

沐頭, 垢濁得除. 齋念
MÙ TÓU, GÒU ZHUÓ DĒ CHÚ. ZHĀI NIÀN
mộc đầu, cấu trược đắc trừ. Trai niệm

佛者, 其淨如是, 眾 人見
FÓ ZHĒ, QÍ JìNG RÚ SHÌ, ZHÒNG RÉN JIÀN
Phật giả, kỳ tịnh như thị, chúng nhân kiến

之, 莫不好信。
ZHĪ, MÒ BÙ HǎO Xìn.
chi, mạc bất hảo tín.

二當 念法, 佛所 說法,
ÈR DĀNG NIÀN Fǎ, FÓ SUǒ SHUŌ Fǎ,
Nhị đương niệm pháp, Phật sở thuyết pháp

三十七品, 具足不毀, 思念
SĀN SHÍ QĪ PĪN, JÙ ZÚ BÙ HUǐ, SĪ NIÀN
tam thập thất phẩm, cụ túc bất hủy, tư niệm

勿忘, 當 知此法為世間
WÙ WÀNG, DĀNG ZHĪ Cǐ Fǎ WÉI SHÌ JĀN
vật vong, đương tri thử pháp vi thế gian

明, 是念法者愚痴惡意怒
MÍNG, SHÌ NIÀN Fǎ ZHĒ YÚ CHĪ È Yì NÙ
minh, thị niệm pháp giả ngu si ác ý nộ

習悉除, 善 心自生, 用 樂
XÍ XĪ CHÚ SHÀN XĪN ZÌ SHĒNG YÒNG YÀO
tập tất trừ, thiện tâm tự sanh, dụng nhạo

法業.譬如以麻油, 澡豆浴

Fǎ Yè. Pì Rú Yǐ Má Yóu Zǎo dòu yù
pháp nghiệp. Thí như dĩ ma du, tháo đậu dục

身, 垢濁得除. 齋念法

Shēn, Gòu zhuó dé chú; zhāi niàn fǎ
thân, cấu trước đắc trừ, trai niệm pháp

者, 其淨如是, 眾人見

Zhě, Qí jìng rú shì, zhòng rén jiàn
giả, kỳ tịnh như thị, chúng nhân kiến

之, 莫不好信.

Zhī, mò bù hǎo xìn.
chi, mạc bất hảo tín.

三當念眾, 恭敬親

Sān dāng niàn zhòng, gōng jìng qīn
Tam đương niệm chúng, cung kính thân

附依受 慧教. 佛弟子眾, 有

Fù yī shòu huì jiào fó dì zǐ zhòngyǒu
phụ y thụ huệ giáo, Phật đệ tử chúng, hữu

得溝 港 受, 溝 港 証

Dé gōu gǎng shòu gōu gǎng zhèng
đắc câu cảng thụ, câu cảng chứng

者. 有 得頻來, 受 頻來

Zhě. Yǒu dé pín lái, shòu pín lái
giả. Hữu đắc Tần Lai thụ Tần Lai

証 者, 有 得不還 受 不

Zhèng zhě, yǒu dé bù huán, shòu bù
chứng giả; hữu đắc Bất Hoàn thụ Bất

還 証 者, 有 得應真,

Huán zhèng zhě; yǒu dé yìng zhēn
Hoàn chứng giả; hữu đắc Ứng Chân

受 應 真 証 者. 是 為 四

SHÒU YÌNG ZHĒN ZHÈNG ZHĚ. SHÌ WÉI SÌ
thụ, Ứng Chân chứng giả. Thị vi tứ

雙 之 八 輩 丈 夫. 皆 為

SHUĀNG ZHĪ BĀ BÈI ZHàng FŪ. JĪE WÉI
song chi bát bối trượng phu, giai vi

戒 成, 定 成, 慧 成, 解

JĪE CHÉNG DÌNG CHÉNG HUÌ CHÉNG JĪE
giới thành, định thành, huệ thành giải

成, 度 知 見 成, 為 聖

CHÉNG, DÙ ZHĪ JIÀN CHÉNG, WÉI SHÈNG
thành, độ tri kiến thành, vi thánh

德, 為 行 具, 當 為 叉 手

DÉ, WÉI XÍNG JÙ, DĀNG WÉI CHĀ SHǒU
đức, vi hạnh cụ, đương vi xoa thủ

天 上 天 下 尊 者 福 田,

TIĀN SHàng TIĀN XIÀ ZŪN ZHĚ FÚ TIÁN,
thiên thượng thiên hạ tôn giả phước điền,

是 念 眾 愚 痴 惡 意 怒 習 悉

SHÌ NIÀN ZHòng YÚ CHĪ È YÌ NÙ XÍ XĪ
thị niệm chúng ngu si ác ý nộ tập tất

除, 喜 心 自 生 樂 眾 之 業.

CHÚ XĪ XĪN ZÌ SHĒNG YÀO ZHòng ZHĪ YÈ
trừ, hỷ tâm tự sanh, nhạo chúng chi nghiệp.

譬 如 以 淳 灰 浣 衣, 垢 污 得

PÌ RÚ Yǐ CHÚN HUĪ WǎN YĪ, GÒU WŪ DĒ
Thí như dĩ thuận hôi hoán y, cấu ô đắc

除, 齋 念 眾 者, 其 德 如

CHÚ; ZHĀI NIÀN ZHòng ZHĚ, QÍ DÉ RÚ
trừ. Trai niệm chúng giả, kỳ đức như

是，眾 人 見 之，莫 不 好

SHÌ ZHÒNG RÉN JIÀN ZHĪ, MÒ BÙ HǎO
thì, chúng nhân kiến chi, mạc bất hảo

信。

XÌN.
tín.

四 者 念 戒，身 受 佛 戒，一

SÌ ZHĚ NIÀN JIÈ, SHĒN SHÒU FÓ JIÈ , YĪ
Tứ giả niệm giới, thân thụ Phật giới, nhất

心 奉 持，不 虧 不 犯，不 動

XĪN FÈNG CHÍ, BÙ KUĪ BÙ FÀN, BÙ DÒNG
tâm phụng trì, bất khuy bất phạm, bất động

不 忘，善 立 慎 護，為 慧

BÙ WÀNG, SHÀN LÌ SHÈN HÙ, WÉI HUÌ
bất vong, thiện lập thận hộ, vi huệ

者 舉 後 無 所 悔，不 以 有

ZHĚ Jǔ, HÒU WÚ SUǒ HUĪ, BÙ Yǐ YǒU
giả cử, hậu vô sở hối, bất dĩ hữu

望，能 等 教 人，是 念 戒

WÀNG NÉNG DĚNG JIÀO RÉN SHÌ NIÀN JIÈ
vọng, năng đẳng giáo nhân, thị niệm giới

者，愚 痴 惡 意 怒 習 悉 除，喜 心

ZHĚ YÚ CHĪ È YÌ NÙ XÍ XĪ CHÚ, Xǐ XĪN
giả, ngu si ác ý nộ tập tất trừ, hỷ tâm

自 生 樂 戒 統 業，如 鏡 之

Zì SHĒNG YÀO JIÈ TǒNG YÈ, RÚ JìNG ZHĪ
tự sanh nhạo giới thông nghiệp, như kính chi

磨，垢 除 盛 明，齋 念 戒

MÓ GÒU CHÚ SHÈNG MÍNG ZHĀI NIÀN JIÈ
ma, cầu trừ tịnh minh; trai niệm giới

者, 其淨 如是, 眾 人 見

ZHĚ, QÍ JÌNG RÚ SHÌ, ZHÒNG RÉN JIÀN
giả, kỳ tịnh như thị, chúng nhân kiến

之, 莫 不好 信。

ZHĪ, MÒ BÙ HǎO Xìn.
chi, mạc bất hảo tín.

五 當 念 天, 第一 四天 王。

WŪ DĀNG NIÀN TIĀN DÌ YĪ SÌ TIĀN WÁNG
Ngũ đương niệm thiên đệ nhất tứ thiên vương

第二 忉利 天, 鹽 天, 兜 術

DÌ ÈR DĀO LÌ TIĀN, YÁN TIĀN, DŌU SHÙ
đệ nhị Đao Lợi thiên, Diêm thiên, Đâu Thuật

天, 不 憍 樂 天, 化 應 聲

TIĀN BÙ JIĀO LÈ TIĀN HUÀ YÌNG SHĒNG
thiên, Bất Kiêu Lạc thiên, Hóa Ứng Thanh

天, 當 自 念, 我 以 有 信 有

TIĀN, DĀNG ZÌ NIÀN WŌ Yǐ Yǒu Xìn Yǒu
thiên, đương tự niệm: Ngã dĩ hữu tín, hữu

戒, 有 聞, 有 施, 有 智. 至 身

JIÈ Yǒu WÉN Yǒu SHĪ Yǒu Zhì. Zhì SHĒN
giới, hữu văn, hữu thí, hữu trí, chí thân

死 時, 精 神 上 天, 願 不

Sǐ SHÍ Jīng SHÉN SHàng TIĀN, Yuàn BÙ
tử thời, tinh thần thượng thiên, nguyện bất

失 信 戒 聞 施 智. 是 念 天

SHĪ Xìn Jiè WÉN SHĪ Zhì. SHì NIàn TIĀN
thất tín giới văn thí trí. Thị niệm thiên

者, 愚 痴 惡 意, 怒 習 悉 除, 喜 心

ZHĚ, YÚ CHĪ È Yì Nù Xí Xī CHÚ, Xǐ XĪN
giả, ngu si ác ý nộ tập tất trừ, hỷ tâm

自生，樂天統業。譬如寶

ZÌ SHÈNG, YÀO TIĀN TǒNG YÈ. PÌ RÚ BǎO
tự sanh nhạo thiên thông nghiệp. Thí như bảo

珠，常治清明，齋念

CHÚ CHÁNG zhì qīng míng, zhāi niàn
châu, thường trị thanh minh; trai niệm

天者，其淨如是。

TIĀN zhě, qí jìng rú shì.
thiên giả, kỳ tịnh như thị.

奉持八戒，習五思念為佛

FÈNG CHÍ BĀ jiè xí wǔ sī niàn wéi fó
Phụng trì bát giới tập ngũ tư niệm vi Phật

法齋，與天參德，滅惡興

Fǎ zhāi, yǔ tiān cān dé, miè è xìng
pháp trai, dữ thiên tham đức, diệt ác hưng

善，後生天上，終

SHÀN, hòu shēng tiān shàng, zhōng
thiện, hậu sanh thiên thượng, chung

得泥洹。是以智者，自力行

DÉ ní huán. shì yǐ zhì zhě, zì lì xíng
đắc Nê Hoàn. Thị dĩ trí giả, tự lực hành

出心作福。如是維耶，齋之

CHŪ XIN zuò fú. rú shì wéi yē zhāi zhī
xuất tâm tác phước. Như thị Duy Da, trai chi

福佑，明譽廣遠，譬是

FÚ YÒU míng, yù guǎng yuǎn pì shì
phước hựu, minh dự quảng viễn, thí thị

天下十六大國，是十六

TIĀN xià shí liù dà guó, shì shí liù
thiên hạ thập lục đại quốc, thị thập lục

國, 滿 中 眾 寶 不 可

GUÓ MǎN ZHōNG ZHòng BǎO, BÙ KĒ
quốc mǎn trung chúng bảo, bất khả

稱 數, 不 如 一 日, 受 佛 法

CHĒNG SHù BÙ RÚ Yī Rì SHòu FÓ Fǎ
xung số, bất như nhất nhật thụ Phật pháp

齋. 如 此 其 福 者, 則 十 六 國

ZHAI, RÚ Cǐ QÍ FÚ ZHĒ, ZÉ SHÍ LIù GUÓ
trai, như thử kỳ phước giả tắc thập lục quốc

為 一 豆 耳. 天 上 廣

WÉI Yī Dòu ĒR. TIĀN SHàng GUǎNG
vi nhất đậu nhĩ! Thiên thượng quảng

遠, 不 可 稱 說, 當 今 人

YUǎN BÙ KĒ CHĒNG SHUō, DĀNG JīN Rén
viễn bất khả xưng thuyết, đương kim nhân

間 五 十 歲, 為 第 一 天 上

JIĀN WŪ SHÍ SUì WÉI Dì Yī TIĀN SHàng
gian ngũ thập tuế, vi đệ nhất thiên thượng

一 日 一 夜, 第 一 四 天 上 壽

Yī Rì Yī YÈ, Dì Yī SÌ TIĀN SHàng SHòu
nhất nhật nhất dạ, đệ nhất tứ thiên thượng thọ

五 百 歲, 彼 當 人 間 九 百

WŪ BǎI SUì, Bǐ DĀNG Rén JIĀN JIŪ BǎI
ngũ bách tuế, bỉ đương nhân gian cửu bách

萬 歲, 佛 法 齋 者, 得 生 此

Wàn SUì, FÓ Fǎ ZHĀI ZHĒ, DĒ SHĒNG Cǐ
vạn tuế Phật pháp trai giả, đắc sanh thử

天 上. 人 間 百 歲 為 忉

TIĀN SHàng, Rén JIĀN BǎI SUì WÉI DĀO
thiên thượng, nhân gian bách tuế vi Đao

利天 上 一日一夜, 忉利

LÌ TIĀN SHÀNG YĪ RÌ YĪ YÈ, DĀO LÌ
Lợi thiên thượng nhất nhật nhất dạ, Đao Lợi

天 壽 千 歲, 當 人 間 三

TIĀN SHÒU QĪĀN SUÌ DĀNG RÉN JĪĀN SĀN
thiên thọ thiên tuế, đương nhân gian tam

千 六 百 萬 歲, 人 間 二 百

QĪĀN LIÙ BǎI WÀN SUÌ, RÉN JĪĀN ÈR BǎI
thiên lục bách vạn tuế; nhân gian nhị bách

歲 為 鹽 天 上 一日一夜

SUÌ WÉI YÁN TIĀN SHÀNG YĪ RÌ YĪ YÈ,
tuế, vi Diêm thiên thượng nhất nhật nhất dạ,

鹽 天 壽 二 千 歲, 當 人

YÁN TIĀN SHÒU ÈR QĪĀN SUÌ DĀNG RÉN
Diêm thiên thọ nhị thiên tuế, đương nhân

間 一 億 五 千 二 百 萬 歲, 人

JĪĀN YĪ YÌ WŪ QĪĀN ÈR BǎI WÀN SUÌ, RÉN
gian nhất ức ngũ thiên nhị bách vạn tuế nhân

間 四 百 歲, 為 兜 術 天 上

JĪĀN SÌ BǎI SUÌ WÉI DŌU SHÙ TIĀN SHÀNG
gian tứ bách tuế, vi Đâu Thuật thiên thượng

一 日 一 夜, 兜 術 天 壽 四

YĪ RÌ YĪ YÈ, DŌU SHÙ TIĀN SHÒU SÌ
nhất nhật nhất dạ, Đâu Thuật thiên thọ tứ

千 歲, 當 人 間 六 億 八 百

QĪĀN SUÌ, DĀNG RÉN JĪĀN LIÙ YÌ BĀ BǎI
thiên tuế, đương nhân gian lục ức bát bách

萬 歲, 人 間 八 百 歲, 為 不

WÀN SUÌ, RÉN JĪĀN BĀ BǎI SUÌ, WÉI BÙ
vạn tuế; nhân gian bát bách tuế, vi Bất

僑 樂 天 上 一 日 一 夜, 不

JIÀO LÈ TIĀN SHÀNG YĪ RÌ YĪ YÈ, BÙ
Kiêu Lạc thiên thượng nhất nhật nhất dạ, Bất

僑 樂 天 壽 八 千 歲, 當

JIÀO LÈ TIĀN SHÒU BĀ QĪAN SUÌ, DĀNG
Kiêu Lạc thiên thọ bát thiên tuế, đương

人 間 二 十 三 億 四 千 萬

RÉN JĪAN ÈR SHÍ SĀN YÌ SÌ QĪAN WÀN
nhân gian nhị thập tam ức tứ thiên vạn

歲. 人 間 千 六 百 歲, 為 化

SUÌ. RÉN JĪAN QĪAN LIÙ BĀI SUÌ, WÉI HUÀ
tuế. Nhân gian thiên lục bách tuế, vi Hóa

應 聲 天 上 一 日 一 夜,

YĪNG SHĒNG TIĀN SHÀNG YĪ RÌ YĪ YÈ
Ứng Thanh thiên thượng nhất nhật nhất dạ.

化 應 聲 天 壽 萬 六

HUÀ YĪNG SHĒNG TIĀN SHÒU WÀN LIÙ
Hóa Ứng Thanh thiên thọ vạn lục

千 歲, 當 人 間 九 十 二 億

QĪAN SUÌ, DĀNG RÉN JĪAN JIŪ SHÍ ÈR YÌ
thiên tuế, đương nhân gian cửu thập nhị ức

一 千 六 百 萬 歲, 若 有 人

YĪ QĪAN LIÙ BĀI WÀN SUÌ. RUÒ YŌU RÉN
nhất thiên lục bách vạn tuế. Nhược hữu nhân

有 信 有 戒 有 聞 有 施 有

YŌU XÌN YŌU JIÈ YŌU WÉN YŌU SHĪ YŌU
hữu tín, hữu giới, hữu văn, hữu thí, hữu

智 奉 佛 法 齋, 當 命 盡 時

ZHÌ FÈNG FÓ Fǎ ZHĀI DĀNG MÌNG Jìn SHÍ
trí, phụng Phật pháp trai đương mạng tận thời

其人精神皆生此六天

QÍ RÉN JĪNG SHÉN JIĒ SHĒNG Cǐ LIÙ TIĀN
kỳ nhân tinh thần, giai sanh tử lục thiên

上, 安隱快樂, 猗善眾

SHàng ĀN YǐN KUÀi LÈ Yī SHàn Zhòng
thượng, an ỉn khoái lạc, y thiện chúng

多, 我少說耳. 凡人行

DUō, Wǒ SHǎo SHUō Ěr. Fán Rén Xíng
đa, ngã thiểu thuyết nhĩ. Phạm nhân hành

善, 魂神上天, 受福

SHàn Hún Shén SHàng TIĀN SHòu Fú
thiện, hồn thần thượng thiên, thụ phước

無量. 維耶聞佛語, 歡喜

Wú LIàng. WÉi Yē Wén Fó Yǔ Huān Xǐ
vô lượng. Duy Da văn Phật ngữ hoan hỷ

言: 善哉! 善哉! 世尊! 齋

YÁN SHàn ZĀI SHàn ZĀI! SHì ZŪN! Zhāi
ngôn: - Thiện tai, thiện tai! Thế Tôn! Trai

之福德, 甚快無量, 願

ZHĪ FÚ Dé SHèn KUÀi Wú LIàng, Yuàn
chi phước đức thậm khoái vô lượng, nguyện

受佛戒, 從今已後, 月月

SHòu FÓ Jiè, Cóng Jīn Yǐ Hòu Yuè Yuè
thụ Phật giới, tòng kim dĩ hậu, nguyệt nguyệt

六齋竭力作福至死. 佛

LIù Zhāi Jié lì Zuò Fú Zhì Sǐ. Fó
lục trai kiệt lực tác phước chí tử. Phật

說經已, 皆歡喜受教.

SHUō Jīng Yǐ, Jiē Huān Xǐ Shòu Jiào
thuyết kinh dĩ, giai hoan hỷ thụ giáo.

佛說齋經

FÓ SHUŌ ZHĀI JĪNG
Phật thuyết Trai Kinh

七佛滅罪真言

QĪ FÓ MIÈ ZUÌ ZHĒN YÁN
Thất Phật diệt tội chân ngôn

離婆離婆帝, 求訶求訶帝, 陀

LÍ PÓ LÍ PÓ DÌ, QIÚ HĒ QIÚ HĒ DÌ, TUÓ
Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà

羅尼帝, 尼訶囉帝, 毘黎你帝

LUÓ NÍ DÌ, NÍ HĒ LÈ DÌ, PÍ LÍ NĪ DÌ,
la ni đế, ni ha ra đế, tỳ lê nễ đế,

摩訶伽帝真陵乾帝莎

MÓ HĒ QIÉ DÌ, ZHĒN LÍNG QIÁN DÌ SUŌ
ma ha già đế, chân lăng càn đế, sa

婆訶

PÓ HĒ !
bà ha.

補缺真言

BŪ QUĒ ZHĒN YÁN
Bổ khuyết chân ngôn

南無喝囉怛那, 哆囉夜耶

NÁN MO HÈ LÀ DÁ Nǎ DUŌ LÀ YÈ YĒ
Nam mô hát ra đát na đát ra dạ da

怯囉佉囉, 俱住俱住, 摩囉

QIÈ LÀ QIÉ LÀ JŪ ZHÙ JŪ ZHÙ MÓ LÀ
khiếp la, khu la, câu trụ, câu trụ, ma ra,

摩囉虎囉 吽 賀賀蘇怛拏

MÓ LÀ, HŪ LÀ HŌNG, HÈ HÈ, SŪ DÁ NÁ

ma ra, hồ la hồng, hạ hạ, tô đất noa,

吽 潑抹拏 娑婆訶

HÔNG PÔ MỔ NÁ SUÔ PÓ HÈ
hông phát mạt noa sa bà ha.

八關戒齋儀規

BĀ GUĀN JIÈ ZHĀI YÍ GUĪ
Bát quan giới trai nghi quy

發願

FĀ YUÀN
Phát nguyện

歸命 一切佛,唯 願 一

GUĪ MÌNG YĪ QIĒ FÓ, WÉI YUÀN YĪ
Quy mạng nhất thiết Phật, duy nguyện nhất

切佛菩薩眾, 攝受於我。

QIĒ FÓ PÚ SÀ ZHÒNG, SHÈ SHÒU YÚ Wǒ.
thiết Phật Bồ Tát chúng, nhiếp thụ ư ngã (môtlay)

我今歸命 勝菩提

Wǒ JĪN GUĪ MÌNG SHÈNG PÚ TÍ
Ngã kim quy mạng thắng Bồ Đề

最上 清淨佛法眾。

ZUÌ SHàng QĪNG JìNG FÓ Fǎ ZHÒNG.
Tối thượng thanh tịnh Phật pháp chúng.

我發 廣大菩提心

Wǒ FĀ GUǎNG DÀ PÚ TÍ XĪN
Ngã phát quang đại Bồ Đề tâm

自他利益皆成就。

Zì TĀ Lì Yì Jiē Chéng Jiù.
Tự tha lợi ích giai thành tựu.

懺 除一切不善業，

CHÀN CHÚ YĪ QĪÈ BÙ SHÀN YÈ,
Sám trừ nhất thiết bất thiện nghiệp,

隨喜無邊衆 福蘊。

SUÍ Xǐ WÚ BIĀN ZHÒNG FÚ YÙN.
Tùy hỷ vô biên công đức uẩn.

先 當 不食一日中，

XIĀN DĀNG BÙ SHÍ YĪ RÌ ZHŌNG,
Tiên đương bất thực nhất nhật trung,

後 修 八 種 長 養 法。

HÒU XIŪ BĀ ZHŌNG ZHÁNG YǎNG Fǎ.
Hậu tu bát chủng trưởng dưỡng pháp. (3 lần 3 lạy)

我弟子....唯願 阿闍梨 攝受

Wǒ Dì zǐ.... WÉI YUÀN Ā SHÉ LÍ SHÈ SHÒU
Ngã đệ tử duy nguyện A Xà Lê, nhiếp thụ

於我。

YÚ Wǒ.
ư ngã .

我從 今時發淨 信心，乃

Wǒ CÓNG JĪN SHÍ FĀ JìNG Xìn XĪN, Nǎi
Ngã tùng kim thời phát tịnh tín tâm nãi

至坐 菩提場 成 等

ZHì ZUÒ PÚ TÍ CHÁNG CHÉNG DĒNG
chí tọa Bồ Đề tràng thành Đẳng

正 覺，

ZHÈNG JUÉ,
Chánh Giác,

誓 歸 依 佛，兩 足 勝 尊

SHì GUĪ YĪ FÓ, LIǎNG ZÚ SHÈNG ZŪN.
Thệ quy y Phật, lưỡng túc thắng tôn.

誓歸 依法, 離欲勝 尊.

SHÌ GUĪ YĪ Fǎ, LÍ YÙ SHÈNG ZŪN,
Thệ quy y pháp ly dục thắng tôn,

誓歸 依僧 調伏勝 尊.

SHÌ GUĪ YĪ SĒNG, DIÀO FÚ SHÈNG ZŪN.
Thệ quy y tăng, điều phục thắng tôn

如是三寶, 是所歸趣

RÚ SHÌ SĀN BǎO, SHÌ SUǒ GUĪ QÙ
Như thị Tam Bảo, thị sở quy thú (3 lần 3lay)

我弟子...淨信 優婆塞夷, 唯

Wǒ dì zǐ... JìNG Xìn YōU PÓ SÈ YÍ, WÉI
Ngã đệ tử... tịnh tín ưu bà tặc di, duy

願 阿闍梨, 憶持護念.

YUÀN Ā SHÉ LÍ, YÌ CHÍ HÙ NIÀN.
nguyện a xà lê, ức trì hộ niệm.

我從 今日今時 發起淨

Wǒ CÓNG JĪN RÌ JĪN SHÍ FĀ Qǐ JìNG
Ngã tùng kim nhật kim thời phát khởi tịnh

心, 乃至過 是夜分

XĪN, Nǎi Zhì GUÒ SHì YÈ FĒN,
tâm, nãi chí quá thị dạ phần,

訖於明 旦, 日初 出時, 於其

Qì YÚ MíNG DÀN Rì CHŪ CHŪ SHÍ, YÚ QÍ
Ngật ư minh đán nhật sơ xuất thời, ư kỳ

中 間, 奉 持八戒,

ZHŌNG JĪĀN, FÈNG CHÍ BĀ JIÈ,
trung gian phụng trì bát giới,

所 謂一不殺生, 二不偷

SUǒ WÈI YĪ BÙ SHĀ SHĒNG, ÈR BÙ TŌU
Sở vị nhất bất sát sanh, nhị bất thâu

盜, 三不非梵行, 四不妄

DÀO, SĀN BÙ FĒI FÀN HÉNG, SÌ BÙ WÀNG
đạo, tam bất phi phạm hành, tứ bất vọng

語, 五不飲酒, 六不非時食

YŪ, WŪ BÙ YĪN JIŪ, LIÙ BÙ FĒI SHÍ SHÍ,
ngữ, ngũ bất ẩm tửu, lục bất phi thời thực,

七不香華鬘莊嚴其

QĪ BÙ XIĀNG HUÁ MÁN ZHUĀNG YÁN QÍ
thất bất hương hoa man trang nghiêm kỳ

身及歌舞戲等, 八不坐臥

SHĒN JÍ GĒ WŪ XÌ DĚNG, BĀ BÙ ZUÒ WÒ
thân cập ca vũ hí đặng, bát bất tọa ngọa

高廣大床. 我今捨離

GĀO GUǎNG DÀ CHUÁNG. WŌ JĪN SHĒ LÍ
cao quảng đại sàng. Ngã kim xả ly

如是等事, 誓願不舍清

RÚ SHÌ DĚNG SHÌ, SHÌ YUÀN BÙ SHĒ QĪNG
như thị đặng sự, thệ nguyện bất xả thanh

淨禁戒八種功德。

JĪNG Jìn Jiè Bā Zhǒng Gōng Dé
tịnh cấm giới bát chủng công đức (3 lần 3 lạy)

我持戒行, 莊嚴其心,

WŌ CHÍ Jiè Xíng, Zhuāng Yán Qí Xīn
Ngã trì giới hạnh, trang nghiêm kỳ tâm

令心喜悅。廣修一切, 相

Lìng Xīn Xǐ Yuè Guǎng Xiū Yī Qiē Xiāng
linh tâm hỷ duyệt. Quảng tu nhất thiết tương

應勝行, 求成佛果,

Yìng Shèng Xíng, Qiú Chéng Fó Guǒ
ứng thắng hạnh, cầu thành Phật quả,

究竟圓滿。

JIÙ JÌNG YUÁN MǎN

cứu cánh viên mãn (1 lần 1 lay)

我發無二最上心，

Wǒ Fā Wú ÈR Zuì SHàng Xīn,

Ngã phát vô nhị tối thượng tâm

為諸眾生不請友，

WÉI Zhū Zhòng Shēng Bù Qǐng Yǒu

Vi chư chúng sanh bất thỉnh hữu

勝菩提行善所行，

SHèNG Pú tí Xíng Shàn Suǒ Xíng

Thắng Bồ Đề hành thiện sở hành

成佛世間廣利益。

CHéNG FÓ SHì Jiān Guǎng lì yì.

Thành Phật thế gian quảng lợi ích.

願我乘是善業故，

YUàn Wǒ Chéng Shì Shàn Yè Gù,

Nguyện ngã thừa thị thiện nghiệp cố

此世不久成正覺，

Cǐ SHì Bù Jiǔ Chéng Zhèng Jué,

Thử thế bất cửu thành chánh giác

說法饒益於世間，

SHUō Fǎ Ráo Yì Yú SHì Jiān,

Thuyết pháp nhiều ích u thế gian

解脫眾生三有苦

Jiě Tuō Zhòng Shēng Sān Yǒu Kǔ

Giải thoát chúng sanh tam hữu khổ (3 lần 3 lay)

DỊCH NGHĨA

Phật Thuyết Trai Kinh

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 57

(Phật nói kinh Bát Quan Trai)

Đời Ngô, cư sĩ Chi Khiêm

xứ Nhục Chi dịch từ Phạn sang Hán

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Nghe như thế này: Một thời đức Phật ngự tại thành Vương Xá nơi điện riêng của Đông Thừa Tướng. Mẹ quan Thừa Tướng tên là Duy Da dậy sớm, tắm gội, mặc áo lụa màu, cùng các cô con dâu đều đi ra, đánh lễ dưới chân Phật, ngồi qua một phía. Phật hỏi Duy Da:

- Sao bà tắm gội sớm thế?

Thưa:

- Con muốn cùng các con dâu đều thọ trai giới.

Phật nói:

- Trai giới có ba loại, bà thích thọ loại nào?

Duy Da quỳ dài thưa:

- Con xin nghe ba loại trai giới là như thế nào?

Phật dạy:

- Một là trai giới của kẻ chăn trâu, hai là trai giới của bọn Ni Kiền¹, ba là trai giới của Phật pháp.

Trai giới của kẻ chăn trâu là như kẻ chăn trâu tìm nơi nước cỏ tốt lành để chăm bẵm trâu, chiều về suy nghĩ cánh đồng nào tươi tốt

1 Ni Kiền (Nigantha Nātaputta): Những người tin theo ngoại đạo Ni Kiền Tử, một trong sáu lục sư ngoại đạo.

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 58

để ngày mai sẽ lại đến đó. Nếu tộc tánh nam nữ² đã thọ trai giới mà nghĩ đến nhà cửa, lợi lạc, ham muốn, sản nghiệp và nghĩ đến thức ăn ngon lành để bồi bổ cái thân thì giống như suy nghĩ của kẻ chăn trâu kia, chẳng được phước lớn, chẳng được sáng suốt lớn.

Trai giới của bọn Ni Kiền là vào ngày Trai nhằm ngày Rằm mỗi tháng, phục xuống đất thọ trai giới, lạy các quý thần trong vòng mười do-diên³ thưa:

- Hôm nay tôi giữ trai chẳng dám làm ác, chẳng gọi là có nhà, họ với tôi chẳng thân thiết gì, vợ con, nô tỳ chẳng phải là thứ tôi có. Tôi không phải là chủ họ.

Nhưng [thọ trai như thế] là học theo lối ăn nói bóng bẩy, thực chất hèn tẻ, tâm chẳng chánh đáng. Đến hôm sau sẽ lại có những sự ấy như cũ. Thọ trai giới như bọn họ chẳng được phước lớn, chẳng được sáng suốt lớn.

Trai giới của Phật pháp là dạy đệ tử vào sáu ngày chay mỗi tháng, thọ tám giới. Gì là tám?

Giới thứ nhất, giữ trọn một ngày một đêm, tâm như chân nhân, chẳng có ý giết hại, lòng từ nghĩ đến chúng sanh, chẳng được sát hại

² Một cách dịch khác của “thiện nam tử, thiện nữ nhân”.

³ Do diên (yojana): Còn dịch là Do Tuần, là đơn vị đo khoảng cách, tùy theo địa phương mà Do Diên có độ dài từ 6 đến 15 cây số.

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 59

những loài bò trườn, cựa quậy, chẳng dùng đao trượng động đến chúng, nghĩ muốn khiến cho chúng được an vui lợi lạc, chẳng giết hại nữa. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ hai, giữ trọn một ngày một đêm, tâm như chân nhân, không có ý tham luyến, suy nghĩ bố thí, nên hoan hỷ cho, tự tay cho, cho một cách trong sạch, cho một cách cung kính, cho mà không mong cầu, khi cho dứt tuyệt ý keo kiệt tham lam. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ ba, giữ trọn một ngày một đêm, tâm như chân nhân, không có ý dâm, chẳng nghĩ đến chuyện ăn nằm, giữ gìn phạm hạnh, chẳng khởi tâm tà dục, chẳng tham sắc. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ tư, giữ một ngày một đêm, tâm như chân nhân, không có ý nói dối, suy nghĩ chí thành, ăn nói an định, từ tốn, chẳng dối trá, tâm và miệng tương ứng. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ năm, giữ một ngày một đêm, tâm như chân nhân, không uống rượu, không say sưa, không mê loạn, không mất lý trí, trừ khử ý niệm buông lung. Một lòng tu tập giới thành tựu như thế.

Giới thứ sáu, giữ một ngày một đêm, tâm như chân nhân, giữ yên ý niệm không mong cầu, không dùng hoa hương, không bôi son

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 60

phấn, không ca múa tấu nhạc. Một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ bảy, giữ trọn một ngày một đêm, tâm như chân nhân, giữ yên ý niệm không mong cầu, chẳng nằm giường tốt, nằm giường thô chiếu cỏ, trừ bỏ ngủ nghỉ, suy nghĩ kinh đạo, một lòng tu tập giới thanh tịnh như thế.

Giới thứ tám, giữ một ngày một đêm, tâm như chân nhân, ăn đúng thời theo pháp, ăn ít, ước chế thân mình, không ăn quá Ngộ. Một lòng giữ giới thanh tịnh như thế.

Phật bảo Duy Da:

- Ngày thọ trai giới nên tu tập ngũ niệm. Những gì là năm?

Một là nên niệm Phật. Phật là Như Lai, là bậc Chí Chân, là bậc Đẳng Chánh Giác, là bậc Minh Hạnh Túc, là bậc Thiện Thệ, cha của thế gian, là Vô Thượng Sĩ, là Kinh Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, nên gọi là Phật. Niệm Phật như thế thì những tập khí ngu si, ác ý, nóng giận đều trừ, tâm lành tự sanh, suy nghĩ ưa thích Phật nghiệp. Ví như dùng dầu mè, tháo đậu⁴ để gội đầu, sẽ trừ được nhờn bẩn. Người trì trai niệm Phật sẽ thanh tịnh giống

⁴ Tháo đậu: Thời cổ, do chưa có xà-bông nên người ta dùng đậu nấu chín nghiền thành bột, hòa với những chất có tác dụng tẩy rửa khác như bồ kết, dùng để rửa ráy do chúng có chất nhờn. Chất bột đậu ấy được gọi là tháo đậu.

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 61

như vậy, mọi người trông thấy, không ai chẳng ưa thích, tin tưởng.

Hai là nên niệm Pháp. Pháp của đức Phật nói gồm ba mươi bảy phẩm, đầy đủ chẳng hủy, hãy suy nghĩ chớ quên. Nên biết pháp ấy soi sáng thế gian. Niệm pháp như thế thì những tập khí ngu si, ác ý, nóng giận đều trừ, tâm lành tự sanh, sử dụng, ưa thích pháp nghiệp. Ví như dùng dầu mè, tháo đậu để tắm rửa thân thể thì trừ được như bản. Người trì trai niệm pháp sẽ thanh tịnh giống như vậy, mọi người trông thấy không ai chẳng ưa thích, tin tưởng.

Ba là nên niệm chúng, cung kính, thân cận bậc nương theo, vâng nhận sự giáo hóa trí huệ. Trong chúng đệ tử của đức Phật có vị đắc Câu Cang Thọ, Câu Cang Chúng, có vị đắc Tàn Lai Thọ, Tàn Lai Chúng, có vị đắc Bất Hoàn Thọ, Bất Hoàn Chúng, có vị đắc Ứng Chân Thọ, Ứng Chân Chúng⁵. Đây là tám bậc trọng phu được chia thành bốn cặp, đều là Giới thành, Định thành, Huệ thành, Giải thành, hoàn thiện tri kiến thành, là bậc thánh đức, là bậc hạnh trọn vẹn, hãy nên chấp tay lễ bậc phước điền được trên trời và dưới nhân gian tôn kính. Niệm [thánh] chúng như vậy những tập khí ngu si, ác ý, nóng giận đều trừ,

⁵ Đây là những cách dịch khác của Tứ Quả (Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán) và Tứ Hướng.

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 62

hỷ tâm tự sanh, suy nghĩ ưa thích hạnh nghiệp của thánh chúng. Ví như dùng tro sạch để giặt áo sẽ trừ được như bản. Người trì trai niệm chúng sẽ thanh tịnh giống như vậy, mọi người trông thấy, không ai chẳng ưa thích, tin tưởng.

Thứ tư là niệm giới, thân nhận lãnh giới của Phật, nhất tâm vâng giữ, chẳng thiếu sót, chẳng phạm, chẳng động, chẳng quên, khéo thành lập, giữ gìn cẩn thận chính là cử chỉ của bậc trí huệ, để khỏi phải lo hối hận về sau, có thể bình đẳng dạy người. Người niệm giới như vậy thì những tập khí ngu si, ác ý, nóng giận đều trừ, hỷ tâm tự sanh, ưa thích những nghiệp thuộc về giới. Như mài gương⁶, chất như hết thì ánh sáng hiện. Người trì trai niệm giới sẽ thanh tịnh giống như thế. Mọi người trông thấy, không ai chẳng ưa thích, tin tưởng.

Năm là nên niệm thiên: Thứ nhất là Tứ Vương thiên, thứ hai là Đao Lợi thiên, Diêm thiên, Đâu Suất thiên, Bất Kiêu Lạc thiên, Hóa Ứng Thanh thiên. Hãy nên tự niệm: Tôi do có tín, có giới, có nghe pháp, có thí, có trí, đến khi thân tôi chết, tinh thần sẽ lên trời, nguyện chẳng mất tín, giới, nghe pháp, thí, trí. Niệm thiên như vậy thì những tập khí ngu si, ác ý, nóng giận đều trừ, hỷ tâm tự sanh, ưa thích những nghiệp thuộc chư thiên. Ví như bảo châu thường được giồi mài sẽ sáng sạch.

⁶ Thời cổ, gương soi làm bằng đồng mài bóng.

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 63

Người trì trai niệm thiên sẽ thanh tịnh giống như vậy.

Phụng trì tám giới, tu tập ngũ niệm là trai giới trong Phật pháp, công đức sẽ giống như chu thiên, diệt ác, khởi điều lành, sau này sẽ sanh lên trời, rốt cuộc đắc Niết Bàn. Do vậy, người trí sẽ tự lực hành, dốc lòng làm phước.

Như vậy đó, Duy Da! Trai giới có phước đức sáng ngời, tiếng tăm xa rộng. Ví như mười sáu nước lớn trong thiên hạ, trong mười sáu nước ấy đầy ắp các thứ báu chẳng thể kể đếm được, [nhưng những thứ ấy] vẫn chẳng bằng trai giới một ngày theo đúng Phật pháp. [So sánh với] phước như vậy thì [những của báu] trong mười sáu nước giống như hạt đậu mà thôi! Trên cõi trời xa rộng chẳng thể tính kể được! Hãy nên biết: Năm mươi năm trong nhân gian bằng một ngày một đêm trên tầng trời thứ nhất. Tầng trời thứ nhất là Tứ Vương thiên thọ năm trăm tuổi, bằng với chín trăm vạn năm trong nhân gian. Người giữ trai giới theo Phật pháp được sanh lên tầng trời này. Một trăm năm trong nhân gian bằng một ngày một đêm trên trời Đao Lợi. Trời Đao Lợi thọ một ngàn tuổi, bằng với ba ngàn sáu trăm vạn năm trong nhân gian. Hai trăm năm trong nhân gian bằng một ngày một đêm nơi Diêm thiên. Diêm thiên thọ hai ngàn tuổi, bằng với một ức năm ngàn hai trăm vạn năm trong

Nghi Thức Bát Quan Trai Giới, trang 64

nhân gian. Bốn trăm năm trong nhân gian là một ngày một đêm trên trời Đâu Thuật. Trời Đâu Thuật thọ bốn ngàn tuổi, bằng với sáu ức tám trăm vạn năm trong nhân gian. Tám trăm năm trong nhân gian là một ngày một đêm trên trời Bất Kiêu Lạc. Trời Bất Kiêu Lạc thọ tám ngàn năm, bằng với hai mươi ba ức bốn ngàn vạn năm trong nhân gian. Một ngàn sáu năm trong nhân gian là một ngày một đêm trên trời Hóa Ứng Thanh. Trời Hóa Ứng Thanh thọ một vạn sáu ngàn tuổi, bằng với chín mươi hai ức một ngàn sáu trăm vạn năm trong nhân gian. Nếu có người có tín, có giới, có nghe pháp, có thí, có trí, vâng giữ trai giới trong Phật pháp thì khi hết tuổi họ, tinh thần của người ấy sẽ đều sanh vào trong sáu cõi trời ấy, an ổn, khoái lạc, những điều tốt đẹp đáng ca ngợi thật nhiều, ta chỉ nói đôi chút. Phàm ai làm lành thì hồn thần sẽ hưởng phước vô lượng trên trời.

Duy Da nghe lời Phật, hoan hỷ nói:

- Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn! Phước đức của trai giới rất sung sướng vô lượng. Con xin giữ giới của Phật, từ nay trở đi, trong sáu ngày chay mỗi tháng, con sẽ dốc hết sức làm phước đến chết.

Phật nói kinh xong, [ai nấy] đều hoan hỷ, vâng theo lời dạy.

Phật Thuyết Trai Kinh

NGHI THỨC BÁT QUAN TRAI GIỚI

Quy mạng hết thầy Phật, kính xin hết thầy Phật và Bồ Tát chúng, nhiếp thọ con (1 lần, 1 lạy)

Con nay quy mạng thắng Bồ Đề,
Phật, pháp, Tăng thanh tịnh tối thượng.

Con phát tâm Bồ Đề rộng lớn,
Tùy hỷ vô biên các khối phước,
Trước hết là không ăn quá ngọ, rồi mới tu tám pháp trường dưỡng.
Con từ lúc này, phát tâm tịnh tín, cho đến khi ngồi nơi Bồ Đề tràng, thành Đẳng Chánh Giác.

Thề quy Phật, Lương Túc Thắng tôn.
Thề quy y Pháp, Ly Dục Thắng tôn.
Thề quy y Tăng, Điều Phục Thắng tôn.
Tam Bảo là như thế là chỗ hướng về (3 lần, 3 lạy)

Đệ tử con tên là... tịnh tín ưu bà tắc (ưu bà di), kính mong A Xà Lê nghĩ nhớ, hộ niệm.
Con từ giờ này trong ngày hôm nay, phát khởi tịnh tâm, cho đến hết đêm nay cho đến lúc ngày mai lúc mặt trời vừa mọc, trong thời gian ấy vâng giữ tám giới. Tức là: Một chẳng sát sanh, hai không trộm cắp, ba không làm chuyện tà hạnh, bốn chẳng nói dối, năm

chẳng uống rượu, sáu chẳng ăn trái thời, bảy chẳng dùng hương, tràng hoa trang sức thân thể và ca múa vui chơi v.v... tám chẳng nằm ngòì giường to cao rộng. Con nay lìa bỏ những chuyện như vậy, thệ nguyện chẳng bỏ giới cấm thanh tịnh tám món công đức (3 lần, 3 lạy).

Hồi hướng

Con trì giới hạnh, trang nghiêm cái tâm, khiến tâm vui sướng, rộng tu hết thấy các hạnh thù thắng tương ứng, cầu thành Phật quả, rốt ráo viên mãn (1 lần, 1 lạy).

Con phát tâm vô thượng không hai,
Làm bạn chẳng tỉnh của chúng sanh,
Khéo hành hạnh Bồ Đề thù thắng,
Thành Phật rộng lợi ích thế gian,
Nguyện con nương nhờ thiện nghiệp này,
Thành Phật chẳng lâu trong đời này,
Thuyết pháp lợi ích cả thế gian,
Giải thoát chúng sanh khổ ba cõi.
(3 lần, 3 lạy).

